

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG THÔNG TƯ 107/2017/TT/BTC

 Th.S. Nguyễn Thị Anh Thu*
Th.S. Phạm Thị Phương*

Nhận: 25/05/2022
Biên tập: 02/06/2022
Duyệt đăng: 15/06/2022

Tóm tắt

Kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN) đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài sản công và cung cấp thông tin tình hình hoạt động của đơn vị, cũng như sử dụng hiệu quả NSNN. Nhằm nâng cao chất lượng công tác kế toán công, đồng thời đảm bảo phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Công quốc tế, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 107/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán trong các đơn vị HCSN. Thông tư đã có nhiều thay đổi tích cực, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế về yêu cầu quản lý, nhu cầu về thông tin và số liệu của các đơn vị HCSN. Nội dung bài viết trình bày một số nhận định cũng như một số vướng mắc gặp phải trong thông tư và đề xuất một vài ý kiến, đối với những vấn đề này.

Từ khóa: kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, Thông tư 107/TT-BTC.

Abstract

Accounting for administrative units plays an important role in managing public assets and providing information on the unit's operation as well as effective use of the state budget. In order to improve the quality of public accounting and ensure compliance with international public accounting standards, the Ministry of Finance has issued Circular 107/TT-BTC guiding the accounting regime in administrative units. The Circular has had many positive changes in line with the trend of international economic integration, but there are still many problems that need to be amended and supplemented to match the reality of management requirements and information needs and data of administrative units. The content of the article presents some observations as well as some problems encountered in the circular and proposes some ideas on these issues.

Keywords: accounting for administrative units, Circular 107/2017/TT-BTC.

1. Giới thiệu

Đơn vị HCSN là các đơn vị, cơ quan hoạt động bằng nguồn kinh phí do NSNN hay cấp trên cấp phát; hoặc bằng nguồn kinh phí khác như hội phí, học phí, viện phí, kinh phí được tài trợ, thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ. Các đơn vị HCSN là bộ phận quan trọng trong nền kinh tế Nhà nước. Sự phát triển của các đơn vị HCSN góp phần không nhỏ trong công cuộc đổi mới kinh tế xã hội. Trong quá trình hoạt động, các đơn vị này

cần phải tuân thủ quy định của Luật NSNN, chuẩn mực kế toán công, các quy định về chế độ kế toán HCSN do Nhà nước ban hành. Công tác kế toán trong đơn vị HCSN, không chỉ đáp ứng yêu cầu về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công mà còn phải nâng cao chất lượng công tác kế toán và hiệu quả quản lý. Chính vì vậy, ngày 10/10/2017, Bộ Tài chính đã ban hành TT107 về Chế độ Kế toán

HCSN và năm 2021 đã ban hành 05 chuẩn mực kế toán công đầu tiên, để chế độ kế toán HCSN cần có những điều chỉnh, nhằm đảm bảo phù hợp với mực thước của chuẩn mực.

2. Thảo luận một số vấn đề về Thông tư Ưu điểm

TT107 đã kế thừa những ưu điểm, khắc phục tồn tại, hạn chế của chế độ kế toán HCSN ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính. Trong đó, chi tiết hơn một số TK, bổ sung nhiều TK mới, phương pháp hạch toán, nhằm phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh mà các quy định trước đó chưa đề cập đến. Đồng thời, bổ sung một số loại sổ sách, BCTC, báo cáo quyết toán tại đơn vị kế toán.

Cụ thể:

Thứ nhất, về chứng từ kế toán

Theo quy định tại TT 107, việc sử dụng chứng từ kế toán được thực hiện linh hoạt hơn. Trong đó, chứng từ kế toán được phân loại và quy định cụ thể thành 02 loại là chứng từ thuộc loại bắt buộc và chứng từ được tự thiết kế. Các chứng từ thuộc loại bắt buộc gồm

*Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, biên lai thu tiền. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được sửa đổi biểu mẫu chứng từ thuộc loại bắt buộc.

- Đối với chứng từ thuộc loại bắt buộc: các đơn vị HCSN đều phải sử dụng thống nhất mẫu chứng từ kế toán thuộc loại bắt buộc quy định trong.

- Đối với chứng từ được tự thiết kế: ngoài 04 loại chứng từ kế toán bắt buộc kể trên và chứng từ bắt buộc quy định tại các văn bản khác, đơn vị HCSN được tự thiết kế mẫu chứng từ, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mẫu chứng từ tự thiết kế phải đáp ứng tối thiểu 07 nội dung, quy định tại Điều 16 Luật Kế toán.

Thứ hai, hệ thống TK

Hệ thống TK quy định tại TT 107 được mở rộng, chi tiết và cụ thể hơn với 10 loại TK, bao gồm:

- Các loại TK trong bảng: là TK từ loại 01 đến loại 09, được hạch toán kép (hạch toán bút toán đối ứng giữa các TK), được phân chia theo tình hình tài chính (gọi tắt là kế toán tài chính) tại đơn vị phản ánh tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, thặng dư (thâm hụt) của đơn vị trong kỳ kế toán. Trong đó phân loại lại một số TK là phải thu, phải trả và bổ sung thêm các nhóm TK mới; doanh thu, chi phí, thu nhập khác, chi phí khác, xác định kết quả kinh doanh... Mặt khác, TT 107 cũng sửa lại tên gọi của 09 TK gồm: TK 331, 334, 336, 337, 511, 531, 642, 004, 009.

- Loại TK ngoài bảng: là TK loại 0, được hạch toán đơn (không hạch toán bút toán đối ứng giữa các TK). Các TK ngoài bảng liên quan đến NSNN hoặc có nguồn

gốc NSNN được phản ánh theo mục lục NSNN, theo niên độ và theo các yêu cầu quản lý khác của NSNN. Trong đó, bỏ một số TK như TK 005: dụng cụ lâu bền đang sử dụng, sửa đổi và bổ sung thêm một số TK mới như: TK 006: dự toán vay nợ nước ngoài; TK 012: lệnh chi tiền thực chi; TK 013: lệnh chi tiền tạm ứng.

Nếu một nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh mà liên quan đến thu, chi NSNN thì kế toán vừa phải hạch toán kế toán tài chính và đồng thời hạch toán kế toán ngân sách.

Thứ ba, sổ sách kế toán

Mỗi đơn vị kế toán chỉ sử dụng một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm, bao gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Tuy theo hình thức kế toán đơn vị áp dụng, đơn vị phải mở đầy đủ các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và thực hiện đầy đủ, đúng nội dung, trình tự và phương pháp ghi chép đối với từng mẫu sổ kế toán.

Phải mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi quá trình tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài theo mục lục NSNN, làm cơ sở lập báo cáo quyết toán và yêu cầu của nhà tài trợ. Trong đó theo TT 107, các mẫu sổ chi tiết bổ sung thêm mẫu sổ chi tiết theo dõi số liệu quyết toán, bao gồm 06 mẫu từ S101-H đến S106-H, quy định tại Phụ lục số 03, ban hành kèm theo TT 107. Căn cứ vào yêu cầu quản lý và yêu cầu hạch toán của từng đối tượng kế toán riêng biệt, đơn vị được phép bổ sung các chỉ tiêu (cột, hàng) trên sổ, thẻ kế toán chi tiết để phục vụ lập BCTC, báo cáo quyết toán theo yêu cầu quản lý.

Thứ tư, nguyên tắc mở sổ kế toán

Sổ kế toán phải được mở vào đầu kỳ kế toán năm hoặc ngay sau khi có quyết định thành lập và bắt đầu hoạt động của đơn vị kế toán. Sổ kế toán được mở đầu năm tài chính, ngân sách mới để chuyển số dư từ sổ kế toán năm cũ chuyển sang và ghi ngay nghiệp vụ kinh tế, tài chính mới phát sinh thuộc năm mới từ ngày 01/01 của năm tài chính, ngân sách mới.

Số liệu trên các sổ kế toán theo dõi tiếp nhận và sử dụng nguồn NSNN sau ngày 31/12, được chuyển từ TK năm nay sang TK năm trước, để tiếp tục theo dõi số liệu phát sinh trong thời gian chính lý quyết toán, phục vụ lập báo cáo quyết toán NSNN theo quy định.

Đơn vị được mở thêm các sổ kế toán chi tiết theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

Thứ năm, về báo cáo quyết toán

Về hệ thống báo cáo sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu báo cáo quyết toán. Ngoài ra, để phù hợp với cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP hệ thống báo cáo theo TT 107 cũng được bổ sung các danh mục BCTC bao gồm: mẫu BCTC đầy đủ (từ mẫu B01/BCTC đến B04/BCTC) và mẫu BCTC đơn giản theo Phụ lục số 04 ban hành, kèm theo TT 107.

Thứ sáu, về kỳ hạn lập BCTC

Việc quy định về kỳ hạn lập báo cáo được chia thành 2 loại: kỳ hạn lập BCTC và kỳ hạn lập báo cáo quyết toán.

- Đối với kỳ hạn lập BCTC: kỳ hạn lập báo cáo vào cuối kỳ kế toán năm (thời điểm 31/12), theo quy định của Luật Kế toán. Ngoài ra, BCTC năm của đơn vị HCSN phải được nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị cấp trên

trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, theo quy định của pháp luật.

- Đối với kỳ hạn lập báo cáo quyết toán, có 2 loại: một là báo cáo quyết toán NSNN: lập báo cáo theo kỳ kế toán năm. Số liệu lập báo cáo quyết toán NSNN hằng năm là số liệu thu, chi của năm ngân sách, tính đến hết thời gian chính lý quyết toán NSNN (ngày 31/1 năm sau), theo quy định của pháp luật về NSNN; hai là, báo cáo quyết toán kinh phí nguồn khác: lập báo cáo quyết toán năm. Đơn vị phải lập báo cáo quyết toán khi kết thúc kỳ kế toán năm (sau ngày 31/12). Trường hợp, pháp luật có quy định lập báo cáo theo kỳ kế toán khác thì ngoài báo cáo quyết toán năm, đơn vị phải lập cả báo cáo theo kỳ kế toán đó.

Hạn chế

Mặc dù, TT 107 đã khắc phục được những nhược điểm của Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 185/2010/TT-BTC, tuy nhiên trong quá trình thực hiện các đơn vị còn gặp nhiều vướng mắc do một số quy định chưa cụ thể, chưa đầy đủ và có sai sót. Một số điểm cần lưu ý trong Thông tư như sau:

Một là, đối với nội dung đầu tư chứng khoán

Chứng khoán đầu tư phải được ghi sổ kế toán theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) Các chi phí mua (nếu có), như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Tuy nhiên, trong nội dung phương pháp hạch toán TK 3383: doanh thu nhận trước, bút toán 3.3 a thì khi đơn vị mua trái phiếu nhận lãi trước, có sự

nhầm lẫn về giá trị khoản đầu tư ghi nhận vào TK 121 như sau:

- Khi mua trái phiếu căn cứ vào chứng từ mua, ghi:

Nợ TK 121 - Đầu tư tài chính (mệnh giá trái phiếu).

⇒ Có TK 338 - Phải trả khác (3383) (số lãi nhận trước).

Có các TK 111, 112 (số tiền thực trả).

Theo quy định của thông tư bút toán này, sẽ được ghi lại như sau:

- Khi mua trái phiếu căn cứ vào chứng từ mua, ghi:

Nợ TK 121 - Đầu tư tài chính (giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua trái phiếu).

⇒ Có TK 338 - Phải trả khác (3383) (số lãi nhận trước).

Có các TK 111, 112 (số tiền thực trả).

Hai là, đối với khoản chi bổ sung thu nhập

Chi khen thưởng, phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm trong năm đối với cơ quan Nhà nước (không được trích lập các Quỹ), theo hướng dẫn hạch toán TK 611: chi phí hoạt động, bút toán 3.12 ghi:

- Cuối năm, chi bổ sung thu nhập cho người lao động; chi khen thưởng; chi phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm được trong năm (đối với các cơ quan Nhà nước không được trích lập các Quỹ), ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động.

⇒ Có các TK 111, 511.

Nếu rút dự toán, đồng thời ghi:

⇒ Có TK 008 - Dự toán chi hoạt động (chi tiết TK tương ứng).

Nhận thấy, việc ghi vào TK 611 không thể hiện được số tiết kiệm trong năm của đơn vị, cụ thể là trên TK 421. Vì vậy, cần có bút toán bổ sung hướng dẫn hạch toán đối với

chi bổ sung thu nhập, trong trường hợp này. Theo ý kiến nhóm tác giả thì khoản chi bổ sung thu nhập này, có thể hạch toán như sau:

Nợ TK 421: Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

⇒ Có TK 111, 511.

Nếu rút dự toán thì đồng thời ghi:

⇒ Có TK 008 - Dự toán chi hoạt động (chi tiết TK tương ứng).

Ba là, TK 242: Chi phí trả trước

Nguyên tắc kế toán theo thông tư của TK này là: “Dùng để phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng không thể tính toàn bộ vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong một kỳ kế toán mà phải tính vào hai hay nhiều kỳ kế toán tiếp theo; chỉ sử dụng ở các đơn vị có tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh và ở các đơn vị sự nghiệp có phát sinh các khoản chi phí trả trước cần phải phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của chế độ tài chính”. Tuy nhiên, trong nội dung hướng dẫn hạch toán TK 242 ở bút toán 3.5 thì hướng dẫn phân bổ cả vào TK 611: Chi phí hoạt động, cụ thể:

- Trường hợp TSCĐ không đủ tiêu chuẩn chuyển thành công cụ, dụng cụ. Nếu giá trị còn lại của TSCĐ lớn, không tính ngay vào chi phí trong kỳ mà phải phân bổ dần, ghi:

Nợ TK 214 - Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ (giá trị hao mòn lũy kế).

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (giá trị còn lại).

⇒ Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (nguyên giá).

- Định kỳ phân bổ dần vào chi phí, ghi:

Nợ các TK 154, 642, 611...

⇒ Có TK 242 - Chi phí trả trước.

- Các kỳ sau tiếp tục phân bổ theo các bút toán như phân bổ lần đầu.

Theo ý kiến nhóm tác giả, để phù hợp với các quy định trên cần bỏ TK 611 khỏi bút toán này, để không gây khó hiểu cho người đọc.

Bốn là, theo thông tư đối với kế toán

- Đầu tư xây dựng cơ bản hoặc khi nâng cấp theo dự án sau khi hoàn thành, sẽ ghi tăng nguyên giá TSCĐ và:

“Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu (3664).

⇒ Có TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611, 36621, 36631).

- Theo nội dung hướng dẫn hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của thông tư bút toán 3.15 như sau: cuối năm, kế toán tính toán kết chuyển sang các TK thu (doanh thu) tương ứng với số nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ hình thành từ nguồn NSNN cấp; phí được khấu trừ, để lại hoặc nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài đã xuất ra sử dụng trong năm, ghi:

Nợ TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36612, 36621, 36631).

⇒ Có các TK 511, 512, 514.

- Trong nội dung hướng dẫn hạch toán TK 3664: kinh phí đầu tư XDCB cũng không có bút toán nào hướng dẫn kết chuyển khi xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuộc các nguồn nói trên, phục vụ cho XDCB và nâng cấp TSCĐ theo dự án. Chỉ hướng dẫn kết chuyển đối với bút

toán chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi, cụ thể ở bút toán 3.1 b như sau:

* Trường hợp đầu tư XDCB hoàn thành:

+ Một là, khi rút dự toán chi cho hoạt động đầu tư XDCB, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2412)

⇒ Có các TK 112, 366 (3664).

Đồng thời, ghi:

⇒ Có TK 009 - Dự toán chi đầu tư XDCB, hoặc

⇒ Có TK 018 - Thu hoạt động khác được để lại (nếu dùng nguồn thu hoạt động khác được để lại).

Nếu dùng nguồn thu hoạt động khác được để lại để đầu tư XDCB, đồng thời, ghi:

Nợ TK 337- Tạm thu (3371).

Có TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu (3664).

+ Hai là, khi công trình hoàn thành bàn giao TSCĐ vào sử dụng, căn cứ giá trị quyết toán công trình (hoặc giá tạm tính), ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình.

⇒ Có TK 241- XDCB dở dang (2412).

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu (3664).

⇒ Có TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611).

+ Trường hợp khi xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuộc các nguồn do NSNN cấp, phí được khấu trừ để lại hoặc nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài để thực hiện xây dựng cơ bản; hoặc nâng cấp theo dự án thì không có hướng dẫn, phải thực hiện bút toán kết chuyển gì, gây lúng túng cho người thực hiện.

Theo ý kiến nhóm tác giả, dựa theo quy định trong thông tư thì khi xuất nguyên vật liệu thuộc các nguồn trên dùng cho xây dựng cơ

bản (nâng cấp TSCĐ theo dự án hạch toán tương tự) kế toán sẽ hạch toán:

Nợ TK 2412: xây dựng cơ bản dở dang.

⇒ Có TK 152: Nguyên vật liệu.

Đồng thời

Nợ TK 36612, 36622, 36632

⇒ Có TK 3664: Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản.

Khi công trình xây dựng cơ bản hoàn thành

Nợ TK 211: TSCĐ HH

Có T 2412: xây dựng cơ bản dở dang.

Đồng thời

Nợ TK 3664: Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản

Có TK 36611, 36621, 36631

Ngoài ra, trường hợp tính hao mòn TSCĐ dùng cho Đầu tư XDCB thông tư cũng không hướng dẫn bút toán kết chuyển như thế nào đối với khoản hao mòn này. Theo quy định, TSCĐ hình thành từ nguồn thu nào thì khi tính khấu hao/hao mòn sẽ được kết chuyển từ TK 366 - Các khoản nhận trước chưa ghi thu sang các TK doanh thu (thu) của hoạt động tương ứng (TK 511, 512, 514). TSCĐ sử dụng cho hoạt động gì thì tính khấu hao/hao mòn, được phản ánh vào TK chi phí của hoạt động đó (TK 611, 612, 614, 154, 642). Tổng hợp quy định của thông tư nhóm tác giả đề xuất hạch toán, trong trường hợp này như sau:

Trích khấu hao TSCĐ sử dụng cho hoạt động đầu tư XDCB:

Nợ TK 2412

⇒ Có TK 214.

Đồng thời kết chuyển:

Nợ TK 366 (36611, 36621, 36631)

⇒ Có TK 3664.

Năm là, thông tư không có nội dung dự phòng phải thu khó đòi, trong khi trên thực tế các đơn vị vẫn có phát sinh những khoản phải thu khó đòi, nhất là trong lĩnh vực giáo dục khi đơn vị đã thực hiện xong các hợp đồng dịch vụ, cung cấp dịch vụ tư vấn, giảng dạy nhưng mãi không đòi được nợ.

Sáu là, nội dung TK 531: thu hoạt động sản xuất kinh doanh, được hướng dẫn rất bao quát trong khi đơn vị HCSN thì có nhiều lĩnh vực. Nên khi phát sinh các khoản thu đơn vị lúng túng, không biết nên hạch toán vào nội dung thu nào cho chính xác.

3. Một số ý kiến đề xuất

Vì lĩnh vực HCSN đa dạng bao gồm các cơ quan hành chính

các cấp, các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, quốc phòng, chính trị - xã hội,... nên cần có hướng dẫn quy định chi tiết hơn ở các nội dung về các khoản thu, chi nhất là đối với các khoản thu, chi hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, đối với từng lĩnh vực.

Chỉnh sửa những nội dung do sai sót ở các mục hướng dẫn hạch toán ở các: bút toán 3.3a của TK 3383: doanh thu nhận trước; bút toán 3.12 của TK 611; bút toán 3.5 của TK 242, như trình bày trên.

Bổ sung thêm các bút toán hạch toán chi tiết đối với các TK 2412: XDCB dở dang; TK 2413: nâng cấp TSCĐ theo phương thức tự làm.

Bổ sung TK dự phòng phải thu khó đòi, cũng như nguyên tắc hạch toán và phương pháp hạch toán đối với TK này. ■

Tài liệu tham khảo

1. Luật Kế toán 88/2015/QH13.
2. Luật NSNN số 83/2015/QH13.
3. Luật phí và lệ phí 2015 số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
4. Thông tư 185/2010/TT-BTC, "Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán HCSN ban hành kèm theo quyết định 19/QĐ-BTC".
5. Thông tư 10 hướng dẫn chế độ kế toán HCSN.
6. Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, (2019), "Kế Toán HCSN", NXB Tài chính.

Tiếp theo trang 124

Tài liệu tham khảo

1. Adams, C., & Zutshi, A, (2004), *Corporate social responsibility: why business should act responsibly and be accountable. Australian accounting review*, 14(34), 31-39.
2. Agbejule, A., & Jokipii, A, (2009), *Strategy, control activities, monitoring and effectiveness. Managerial Auditing Journal*, 24(6), 500-522.
3. Dahlsrud, A, (2008), *How corporate social responsibility is defined: an analysis of 37 definitions. Corporate social responsibility and environmental management*, 15(1), 1-13.
4. Deegan, C, (2009), *Financial accounting theory McGraw Hill. North Ryde, NSW, Australia*
5. Dyllick, T., & Muff, K, (2016),

Clarifying the meaning of sustainable business: Introducing a typology from business-as-usual to true business sustainability. Organization & Environment, 29(2), 156-174.

6. Gomez, E., Rani, D. A., Cheeseman, C. R., Deegan, D., Wise, M., & Boccaccini, A. R, (2009), *Thermal plasma technology for the treatment of wastes: A critical review. Journal of hazardous materials*, 161(2-3), 614-626

7. Gray, R., Kouhy, R., and Lavers, S, (1995), *Corporate social and environmental reporting. Accounting, Auditing and Accountability Journal*, 8(2), 47-77.

8. Hemingway, C. A., & MacLagan, P. W, (2004), *Managers' personal values as drivers of corporate social responsi-*

bility. Journal of business ethics, 50(1), 33-44.

9. Horner, M, (1997), *Leadership theory: past, present and future. Team Performance Management: An International Journal*, 3(4), 270-287.

10. Muff, K., Liechti, A., and Dyllick, T, (2020), *How to apply responsible leadership theory in practice: A competency tool to collaborate on the sustainable development goals. Corporate social responsibility and environmental management*, 27(5), 2254-2274.

11. Starratt, R. J, (2005), *Building an ethical school: A practical response to the moral crisis in schools. Routledge.*

12. WBCSD, (1999), *Corporate social responsibility: Meeting changing expectations: World Business Council for Sustainable Development.*